



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Giấy • Tháng 10 năm 2020 • Năm thứ 5 • Số 62
Email: baogiaytanhinhtruc@gmail.com • www.thotanhinhthucviet.vn



Tranh họa sĩ Lê Phổ
1907 - 2001



Tranh họa sĩ Mai Trung Thứ
1906 - 1920



Tranh họa sĩ Nguyễn Phan Chánh
1892-1984

THE REVERIE-FORBIDDEN FRUIT
AND THE WORLD OF WORDS

TRÁI CẤM MỘNG TƯỜNG
VÀ THẾ GIỚI CỦA LỜI

Trầm Phục Khắc

Translated by Trần Vũ Liên Tâm

*(To Nguyen Luong Vy, Le Giang Tran, Trinh
Y Thu, Khe Iem, and Phan Tan Hai)*

*(Gửi Nguyễn Lương Vy, Lê Giang Trần,
Trịnh Y Thu, Khế Iêm, Phan Tấn Hải)*

The world which we are living in is a world of words. Words made our world. We're living in a world which is becoming wordier.

Thế giới mà chúng ta đang sống đây là một thế giới của lời. Lời đã làm nên thế giới của chúng ta. Chúng ta đang sống trong một thế giới càng lúc càng trở nên lắm lời.

If there are no words, then what? Would there be a world?

Nếu không có lời thì sao? Có thế giới không?

Adam did not really speak any words to Eve.

Adam có nói lời nào với Eva đâu.

Until Eve met the Serpent, then it was just because of the luring words of the Serpent that Eve took a bite of the Reverie-Forbidden Fruit. And also just because of the luring words of Eve that Adam took a bite of the left-over part of that Reverie-Forbidden Fruit.

Cho đến khi Eva gặp Rắn thì cũng chính bởi vì lời dụ dỗ của Rắn mà Eva đã cắn vào Trái Cấm Mộng Tường đấy thôi. Và rồi cũng chính bởi vì lời dụ dỗ của Eva mà Adam đã cắn vào nửa phần còn lại của Trái Cấm Mộng Tường kia.

This is the tree of Knowledge. The fruit of such the tree of Knowledge in the garden next to the river of Life, there are two parts. One is the Forbidden Fruit; the other is the Reverie. Eve knowingly or unknowingly ate the half-side of the Forbidden Fruit. She is the embodiment of the Forbidden Fruit. And the other half, the Reverie side, she saved just to give to Adam.

Đây là cây Hiểu Biết. Trái của loài cây Hiểu Biết trong khu vườn ở bên dòng sông Cuộc Đời ấy, gồm có cả hai phần. Một nửa phần là Trái Cấm, còn nửa phần kia là Mộng Tường. Eva đã vô tình hay cố ý ăn nửa phần bên Trái Cấm, nòng hiện thân là Trái Cấm. Còn nửa phần bên Mộng Tường kia, nòng dành để riêng tặng Adam.

Thus, words are both, the Forbidden Fruit and the Reverie. Words are this world of ours, the world of dramas, half Forbidden Fruit, half Reverie, not to be separated, and words cannot be any other way. Since there were words, then there must be wishes, dates, pledges, promises, and thus there are dramas.

The Forbidden Fruits are spoken words, seductive and soul-hunted. And the Reveries are unspoken words, but those are repetitive words which go further back in the subconscious mind and become the repository of ideas, thoughts and creativities.

Thus, our world of Words, the double-crossed world, a dichotomy, from the beginning already bears a drama status. And because of bearing a drama status, the role of Life is thus reenacted within each second. This each second is the ending-point of being, continued by the being-point of ending, no matter how great the Knowledge is, that such role of Life is never resting.

And the Drama started like that, the Drama which creates our life, from the beginning of Words.

Then where is the separation of Words and No-Words? A world within the Outside of Words, where Adam had never spoken any words to Eve - how can we get there?

The truth is that our world of Words is only a sand speck in the immense universe, which has always been wordless. This is a universe of a world within the Outside of Words, which we have always belonged to. But this world converse with us only in a wordless language, the language which we typically forget to interact with because, for a very long time, we have become lazy and alienated, and perhaps, we have already forgotten that we also own another world, where Adam never spoke any words to Eve.

Vậy thì lời vừa là Trái Cấm vừa là Mộng Tưởng. Lời là thế giới của chúng ta, một thế giới kịch, nửa Trái Cấm, nửa Mộng Tưởng, không tách rời, và, không thể nào khác được. Bởi, đã có lời thì thế nào cũng có ước ao, có hẹn hò, có nguyện, có thề, và thề là có kịch.

Trái Cấm là lời được nói ra, quyến rũ và ám ảnh mê hồn. Còn Mộng Tưởng là lời không nói ra, nhưng đó là lời được lập đi lập lại, đi ngược vào trong tiềm thức, và trở thành kho lưu trữ của ý tưởng, tư tưởng và sự sáng tạo.

Đã thế thì, thế giới Lời của chúng ta, một thế giới đôi, phân thân, ngay tự khởi đầu đã mang thân phận kịch. Và bởi vì mang thân phận kịch nên vai diễn của Cuộc Đời tái hiện trong mỗi phút giây. Mỗi giây phút ấy là điểm hết của còn, tiếp liền theo điểm còn của hết, dù cho Hiểu Biết có đến đâu, vai diễn của Cuộc Đời cũng không hề ngơi nghỉ.

Và Vở Kịch bắt đầu như thế, Vở Kịch làm nên đời sống của chúng ta, kể từ Lời.

Vậy thì đâu là ranh giới của Lời và Không Lời? Một thế giới ở Ngoài Lời, ở nơi mà Adam chưa nói một lời nào với Eve. Làm sao đến được?

Thật ra thế giới Lời của chúng ta vốn chỉ là hạt cát trong một vũ trụ bao la vốn dĩ không lời. Đó là vũ trụ của thế giới ở Ngoài Lời, và chúng ta vẫn thuộc về thế giới ấy. Nhưng thế giới ấy chỉ trò chuyện với chúng ta bằng ngôn ngữ không lời, thứ ngôn ngữ mà chúng ta vốn thường quên tiếp cận, bởi vì từ lâu, chúng ta đã trở nên lười biếng và xa lạ, và, dường như đã quên rằng chúng ta còn sở hữu một thế giới khác, nơi Adam không nói một lời nào với Eve.

Imagine, a writer finds a poem, like a painter finds a painting, like a composer finds a chord. That is, a poem which is yet being written, a painting being painted, a chord being arranged. Or which is a poem, a painting, a chord which is lost, continuously lost in the drama of the dichotomy of creativity. Despite, on the other side of the Knowledge garden, there has always been another world, a worldless world, an extremity world, with a wordless poem, a colorless painting, a silent chord, and, in such a world, no dates are needed because no dramas exist.

Come back to Words. Sounds and thoughts went through so many changing filters, concluded with language and created Words. Words are the bridge of human thoughts. And written words came last, stored and passed down to succeeding generations, the life treasure of human civilization.

Each poem is a world of Words. Each piece of writing is a world of Words. Each chord is a world of Words. Each painting is a world of Words. Each only exists through Words. And Words, like the most passionate kiss in life, half the Forbidden Fruit, half the Reverie, from forever, already created the captivating drama for our lives.

Thử nghĩ xem, người viết đi tìm bài thơ, giống như người họa sỹ đi tìm bức tranh, giống như người nhạc sỹ đi tìm hợp âm. Đó là một bài thơ chưa làm, một bức tranh chưa vẽ, một hợp âm chưa gọi. Hay đó là một bài thơ, một bức tranh, một hợp âm đã mất, mất liên hồi, trong vở kịch phân thân của sáng tạo. Bất chấp rằng, ở phía bên kia của khu vườn Hiểu Biết, vẫn luôn tồn tại một thế giới khác, phi thế giới, tuyệt thế giới, với một bài thơ không lời, một bức tranh không sắc, một hợp âm không tiếng, và, không cần có một cuộc hẹn hò nào, bởi vì không có kịch.

Trở lại với Lời. Âm thanh và ý tưởng qua bao gạn lọc đỏi dòi đã kết thành ngôn ngữ và đã tạo nên Lời. Lời là nhịp cầu tư tưởng của con người. Và, chữ viết đến sau cùng, lưu và truyền lại cho những thế hệ tiếp nối, kho tàng đời sống của văn minh nhân loại.

Mỗi bài thơ là một thế giới của Lời. Mỗi bài viết là một thế giới của Lời. Mỗi hợp âm là một thế giới của Lời. Mỗi bức tranh là một thế giới của Lời. Chỉ tồn tại qua Lời. Và Lời, giống như là nụ hôn đắm đuối nhất trong đời, nửa Trái Cấm, nửa Mộng Tưởng, tự muôn đời, đã làm nên vở kịch mê hồn cho đời sống chúng ta.

* Bản dịch tiếng Anh được đăng trên trang website Italy:

<http://imagine.poesia.over-blog.it/2020/09/the-reverie-forbidden-fruit-and-the-world-of-words-by-tram-phuc-khac-translated-by-tran-vu-lien-tam-vietnam.html>

ONE DAWN MORE

THÊM MỘT NGÀY

Lidia Chiarelli

Khế Iêm chuyển dịch

*A great hope fell
You heard no noise
The ruin was within
Emily Dickinson*

*Hy vọng lớn đã mất
Bạn không nghe thấy tiếng ồn
Sự đổ nát đã tới
Emily Dickinson*

One dawn more
of another endless day.
A strange stillness like an opaque veil
envelops the city.

Thêm một bình minh
của một ngày dài mãi khác.
Sự tĩnh lặng kỳ lạ như một màng mờ đục
bao bọc thành phố.

At times evanescent figures
come out of dark corners
pass and disappear
engulfed in a fluid solitude.

Đôi khi những hình dạng phù du
ra khỏi góc tối
vượt qua và biến mất
chìm sâu trong nỗi đơn độc đổi thay.

Just the swallows
masters of the sky
repeat their games
in the April wind.

Chỉ những con chim nhận
những bậc thầy của bầu trời
lặp lại trò chơi của chúng
trong gió tháng Tư.

Today again
I will enter
virtual labyrinths
where silence is lost.

Hôm nay một lần nữa
Tôi sẽ vào
mê cung ảo
nơi mất đi sự im lặng.

Today again
I will turn – one by one – every blank page
of this alien time.

Hôm nay một lần nữa
Tôi sẽ lật – lần lượt – mỗi trang trống
của thời gian khác biệt này.

Lidia Chiarelli là một trong những Thành viên Hiến chương của Immagine & Poesia, Phong trào văn học nghệ thuật được thành lập tại Torino (Ý) vào năm 2007 với Aeronwy Thomas, con gái của Dylan Thomas. Cô là nhà thơ đoạt giải thưởng từ năm 2011 và được trao Bằng khen từ Liên hoan thơ quốc tế lần thứ nhất của Swansea (Vương quốc Anh) cho những đóng góp về nghệ thuật và thơ ca trên toàn thế giới. Năm 2019, bà được trao Giải Nhất “Cinque Terre Golfo dei Poeti” (Phiên bản XXX), 5 lần được đề cử giải Pushcart (Mỹ). Lidia Chiarelli cũng là một nghệ sĩ sắp đặt và người vẽ tranh được đánh giá cao.

ng. anhanh

SUCH A NUISANCE

1.

I saw many late afternoon snowfalls
In these passionate love letters
Freezing hands
Freezing hearts
I cried
But that story wasn't mine
She locked me in a cage

I saw a woman beating her child
A nagging woman
A child peddler in torn clothes
Holding his resentment within
I cried out of pity
But that story wasn't mine
She locked me in a cage

I was heartbroken to know that she lost
her lover
I didn't even know what love is
I was mad at the person who gave
the child his miserable life
I didn't even know I myself was abused

I have been living for too long in
someone else's body
I have been hurt for too long within
someone else's emotions
I didn't even know whether I have tears
I was certain only that I possess
my own lonelines

ng. anhanh

ĐÃ LÀ MỘT PHIÊN TOÁI

1.

Tôi đã thấy những buổi chiều tuyết rơi
Những lá thư tình đầm nước mắt
Đôi bàn tay lạnh cóng
Trái tim lạnh cóng
Tôi khóc
Nhưng đó chẳng là câu chuyện của tôi
Cô ấy nhốt tôi vào một cái lồng

Tôi đã thấy người đàn bà đánh con
Người đàn bà chì chiết
Đứa bé áo sờn vai đi bán dạo
Đứa bé oán giận
Tôi khóc tủi hờn
Nhưng đó chẳng là câu chuyện của tôi
Cô ấy nhốt tôi vào một cái lồng

Tôi khóc vì cô không thể giữ mối tình
Tôi còn chẳng biết thế nào là yêu
Tôi giận người cho đứa bé đời sống cơ cực
Tôi còn chẳng biết mình bị bạo hành

Tôi sống quá lâu trong thân thể kẻ khác
Tôi tổn thương quá lâu trong cảm xúc
kẻ khác
Tôi còn chẳng rõ mình thật có nước mắt?
Tôi chỉ chắc mình sở hữu cô đơn

KIỀU MAI LÝ: BÀN TAY NÂNG CHỮ VÀO THƠ

Phạm Quyên Chi

Tri thức ngôn ngữ thơ Kiều Maily gọi lên dấu ấn văn hóa Chăm. Tiếng thơ ấy, là một hệ thống tín hiệu biểu cảm tuân theo quy luật tự nhiên khách quan, không gian thời gian dẫn dắt xác lập một quan hệ liên tưởng tạo ra dây liên tưởng, liên hệ đồng loạt các yếu tố ẩn sau yếu tố hiện diện, giữa bên trong và ngoài con chữ. Tạo nên mạch tính không thay đổi trong lựa chọn của chị:

“Những căn nhà chậ chội chông chéo nhau
Đời chậ chội với những dấu chân chậ chội
Đan xen lên những con đường chậ chội”
(Phác họa chân dung chiều phố hội)

Những âm vị, hình vị trong ngôn ngữ đơn lập có tính độc lập rất cao, đứng biệt lập và không thay đổi hình thái, từ “chậ chội” bổ nghĩa biểu hiện tượng hình bức chân dung chiều phố hội mà khi dịch chuyển xuống đoạn kế tiếp như dội ngược cảm xúc:

“Lòng phố nghệt thờ thứ cấp, trung cấp lên khăn cấp
Lớp sơn hiện đại đời màu tường theo từng mùa chậ chội”

Tạo ra tính bao hàm ổn định, lớp ngôn từ còn mang ý nghĩa biểu vật kéo theo phần nghĩa liên quan trực tiếp đến phạm vi sự vật trong thế giới quan Kiều Maily đã chụp, chép lại và gọi tả trong 10 bài thơ Tân hình thức thời sự, không phải ngẫu nhiên, suốt chiều dài thời gian, tự thân chị đã cảm nhận được dòng thơ thiết yếu, gắn bó với sự chuyển đổi ngôn ngữ tạo ra bài thơ tự nhiên, kết nối được nhịp cầu truyền thông và hiện đại. Tạo ra mạch cường điệu đầy tưởng tượng đi vào lãng mạn và nhẹ nhàng, sâu lắng trong đời sống thường ngày.

” Tôi đã cố bơi thật xa nhưng
Không thể nữa rồi bạn bè tôi anh
Chị em tôi dù tôi đã cố bơi
Xa thật xa nhưng tôi đã bơi trở”
(Lời kể của con cá)

Kích thích vào giác quan, tri giác tác giả đã lí giải một vấn đề ngoài sự vật giữa mặt biểu hiện và mặt được biểu hiện là quan hệ không lí do. Trong học thuyết Engel ngôn ngữ thơ luôn gắn với con người, và dòng thơ Tân hình thức, “tôi” trở nên ám ảnh luôn cất tiếng nói, thông tin biểu đạt trong câu chuyện kể như cố “nói với nhau mọi điều về cuộc sống” phản ánh những thuộc tính bản chất cuộc sống. Ý nghĩa biểu niệm ấy, bộc lộ nét tinh thần văn hóa, hàng loạt con vật tâm linh xuất hiện: Cá, trâu, lũ bò và bầy cừu. Những con vật thuộc phạm trù tinh thần, ngữ hình tự thân nói lên chân lí trong một mặt. Kiều Maily đã gán lên lớp vỏ ngôn từ những mẫu nghĩa biểu thị trong 5 câu chuyện về người chăn cừu:

“Và người chẵn cừu tháo tung cổng chuồng
Cho lũ cừu ủa ra cho lũ cừu chạy đi
Đi đâu không biết
Đi vào mảnh đất không còn màu xanh
Đi xuống dòng sông vừa chết
Đi vào miền chết
Đi”

(Con giận của người chẵn cừu)

Cách miêu tả sự việc diễn ra trong “con giận” – người chẵn cừu đã thể hiện dòng tâm lí đặc biệt, tác động đến lí trí và hành động bằng cách lập luận mô tả tinh thần con người, khi người chẵn cừu từng có một ước mơ. Những yếu tố kèm lời trong bài thơ (ngữ điệu, trọng âm, đỉnh giọng) và phi lời (cử chỉ, hành động) đã tác động mô phỏng đến người đọc một thông điệp đời sống. Họ cần tự do. Và đạt đến tự do.

Kiều Maily, một Apsara nâng chữ vào thơ đến tận cùng của sự hấp dẫn với những thủ pháp nghệ thuật: Điệp ngữ, ẩn dụ, so sánh, liệt kê nhịp điệu luôn hài hòa ở dòng Tân hình thức và tự do. Điều đạt được hiếm hoi trong thơ chị là đã sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện biểu thị đặc trưng tinh thần văn hóa dân tộc Chăm. Các loại vị tổ hành động, trạng thái, hay quá trình, tính chất tham dự trong thơ chị đều dùng với lớp nghĩa mới mẻ tạo nên những giá trị ngữ nghĩa không nhỏ đến loại hình ngôn ngữ Chăm.

Theo de Maupassant từng đề xuất ”Cần phải đưa ra được một ảo tưởng trọn vẹn của hiện thực”, ở Kiều Maily một nghệ sĩ đã tạo ra niềm tin về độ xác thực cao trong câu chuyện thơ của mình. Từ đó, đã phản ánh được diễn biến quy luật phát triển đời sống này làm cho tác phẩm sống lại một cuộc đời. Đi trọn 40 bài thơ trong tập “Nàng, hoa của cát” tôi có cảm giác cuộc phiêu lưu chưa dừng lại, giới hạn chân lí trong nét đẹp từ bàn tay hoa của cát ấy đã nâng độc giả bước vào cuộc hành trình trở về với “Vương quốc Palei” đầy cát, đầy bí ẩn.

SINH HOẠT VĂN HỌC

– Bà Nguyễn Thị Vinh sinh năm 1924 tại Hà Nội. Quê nội: làng Thịnh Đức thượng Hà Đông. Quê ngoại: làng Vân Hoàng, Hà Đông. Bà là nhân vật cuối cùng của Tự Lực Văn Đoàn vừa qua đời ngày 8/1/2020 tại Na Uy, hưởng thọ 97 tuổi. Đã xuất bản nhiều tác phẩm tiêu biểu, gồm truyện ngắn, truyện dài, thơ và tùy bút ...

– Nhà văn Hồ Trường An đã qua đời vào Thứ Hai, 27 Tháng Giêng, Mừng Ba Tết Canh Tý 2020, tại Troyes, Pháp, hưởng thọ 82 tuổi. Nhà văn Hồ Trường An tên thật là Nguyễn Viết Quang, sinh năm 1938 tại Long Đức Đông, tỉnh Vĩnh Long. Hồ Trường An viết nhiều thể loại nên ngoài bút hiệu Hồ Trường An còn ký nhiều bút hiệu khác như Đào Huy Đán, Đình Xuân

Thu, Đông Phương Bảo Ngọc, Hồ Bảo Ngọc, Người Sông Tiền, Nguyễn Thị, Đoàn Hồng Yên, Đặng Thị Thanh Nguyệt ... Ông là em ruột nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ.

– Nhà văn Túy Hồng, tên thật Nguyễn Thị Túy Hồng, sinh ngày 12 Tháng Mười, 1938, tại Chí Long, Phong Điền, Thừa Thiên, qua đời vào ngày 19-7-2020, tại tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ, hưởng thọ 82 tuổi. Bà tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm 1 năm tại Huế, sang Mỹ năm 1975 học Anh Văn và lớp thư ký cấp tốc một năm. Giải Nhất Văn Học Nghệ Thuật Sài Gòn 1970, bộ môn Văn với tác phẩm “Những Sợi Sắc Không.” Bà viết văn từ năm 1962, định cư tại Seattle Washington Hoa Kỳ từ 1975, và là hiền thê của nhà văn Thanh Nam.

– Nhà văn và là dịch giả Đỗ Phương Khanh đã từ trần hôm Thứ Tư 26/8/2020 tại nhà ở Westminster, Quận Cam, hưởng thọ 84 tuổi. Bà là hiền thê của nhà văn Nhật Tiến (nguyên Phó Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam 1963-1975). Bà sinh ngày 9 tháng 8 năm 1936 tại Hành Thiện, Xuân Trường, Nam Định, xuất hiện lần đầu với truyện ngắn *Đi Mua Giấy* trên Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh kể từ số 4 (tháng 8-1958).

– Huỳnh Phan Anh tên thật là Huỳnh Thanh Tâm, sinh năm 1940 tại Bình Dương, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Đà Lạt và là giáo sư triết học tại miền Nam. Nhưng sự nghiệp của ông gắn liền với hoạt động dịch thuật và phổ biến tác phẩm văn chương triết từ các nước đến với người đọc Việt Nam từ trước 1975. Ông vừa qua đời lúc 16h45 ngày 30.8 tại San Jose, California, Hoa Kỳ (tức 6h45 sáng 31.8 – giờ Việt Nam) sau một thời gian nằm bệnh, hưởng thọ 81 tuổi.

– Nhà văn Nhật Tiến vừa qua đời lúc 11 giờ 26 phút trưa ngày 14 Tháng Chín, 2020, (tức 27 Tháng Bảy, Canh Tý), tại thành phố Irvine, Nam California, hưởng thọ 84 tuổi. Nhà văn Nhật Tiến tên đầy đủ là Bùi Nhật Tiến, sinh ngày 24 Tháng Tám, năm 1936, tại Hà Nội – là tên tuổi lớn trên văn đàn Việt Nam. Ông là tác giả tiếp nối của dòng văn học Tự Lực Văn Đoàn. Năm 1954 ông di cư vào Nam, sống tại Đà Lạt, rồi Sài Gòn. Vượt biển vào Tháng Mười, 1979, và tỵ nạn tại Songkhla (Thái Lan) chín tháng. Ông và gia đình định cư tại California (Hoa Kỳ) từ năm 1980. ông đoạt Giải Nhất Giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1960-1961, với tác phẩm *Thềm Hoang*. Từ năm 1958, tại Sài Gòn, 1958, ông tham gia Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay do nhà văn Nhất Linh chủ biên.

Sách nhận được:

- *Thơ Trịnh Cung Trên Nước Mỹ*, C xuất bản, 150 trang.
- *Tình Vật Tôi. Chờ Một Bàn Tay*, thơ Đặng Phú Phong, nxb Văn Học Mới, 136 trang.
- *Hót Một Thang*, tuyển tập Phạm Quốc Bảo, Việt Hưng xuất bản, 2006, 180 trang.
- *Cùm Đỏ*, Tuyển ký Phạm Quốc Bảo, Người Việt Books xuất bản, 2018, 400 trang.
- *Their War*, Julie Phạm, PhD. Bài viết của Julie Phạm về chiến tranh Việt Nam, 90 trang, trong đó có bài của Phạm Quốc Bảo về ký ức thời chiến.
- *Nhục Vinh*, tuyển tập Phạm Quốc Bảo, Người Việt xuất bản, 2012, 180 trang.
- *Độc Lập Mỹ, Độc Lập Ta*, Việt Hưng xuất bản 2004, 210 trang.
- *Chiến Tranh và Tuổi trẻ*, Jean Larteguy, Bản dịch Phạm Quốc Bảo, Người Việt Tây Bắc xuất bản, 2020, 270 trang.

Lý Thừa Nghiệp
KHÔNG MỞ CỬA

Căn nhà sẽ không mở cửa
Sẽ được hỏa táng
Sẽ thay da đổi thịt
Ngọn cỏ sẽ nở hoa.

Thơ sẽ kết thành châu ngọc phương đông
Nơi nguồn gốc của những sợi khói
Bay trên ngọn tuyết sơn
Bay trên nóc chợ chiều.

Mỗi đêm đều là đêm lâm chung
Mùi quế hương thơm trên cánh rừng già
Có bờ môi chờ con nước lớn
Có ta chờ loài chim sơn ca.

Chớ hỏi vì sao tóc thơm mùi quế
Và tấm áo chờ ngọn gió xa
Ta thổi sáo bằng nhánh bông huệ
Cúng đường trời đất vừa thay da.

VŨ KHÚC MƯA

Bữa đó mưa chiều giăng khung cửa
giăng đầy đồi núi rừng cây
mây đuổi theo lớp lớp mây
trong đôi mắt chứa tràn biển lửa.

Tắm lụa đêm bông bênh theo gió
vũ điệu gió triệu triệu vì sao
trùng dương thiên văn mệnh mộng
ngó xuống đồi xanh vô vàn nụ biếc.

Cơn mưa chiều sẽ thổi qua đêm nay
tấm áo phong phanh thơm mùi lan rừng
trăm con suối reo lòng đá cạn
lửa muôn chiều còn cháy băng khuâng.

Những ngực lúa nở nang đang chờ mưa
cuống hoa nhánh ớt vừa hươm đỏ
cánh đồng phơi lưng về phía biển
cửa mở muôn trùng vũ khúc mưa.

Mục Tú
BỔNG DUNG

Trăng bổng dung lạ lắm
trôi giạt về xa xôi
Ta bổng dung buồn lắm
từng nổi lòng chơi vơi

Người bổng dung người khác
Không trao nhau môi cười
Lòng bổng dung đắng ngắt
Thả nụ đời sông trôi

Trời bổng đâu vẫn vũ
Mưa rơi rớt thật buồn
Rồi mưa không quen nữa
Cho ngậm ngùi giọt tuôn

Phải đâu là chiếc lá
Trở màu thu vội vàng
Phải đâu là xa lạ
Người lạnh lòng bước ngang

Thôi cũng duyên gặp gỡ
Cũng mấy vận hòa vào
Như hoa đời chợt nở
Rồi chợt tàn phai mau

Ngày mai này nếu vắng
con chim nào bên hiên
Cuộc trần này vẫn thế
Chỉ mỗi ta lụy phiền

Cuộc trần này vẫn thế
Ta nổi buồn vô biên ...

Trịnh Cung
BÓNG CÂY VÀ BÓNG TÔI

*Một mai cây cái về trời
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay
(Ca Dao)*

Người ta đang hạ sát cái cây
Trước nhà trọ
Bằng máy cưa
Bằng dao rựa
Răng rắc
Ngọt lềm
Bằng cuộc xéng
Bất gộc
San lấp
Cuộc hành quyết
Nhanh gọn

Tôi vừa mất một bóng râm
Một chỗ rất tuyệt
Đề ngồi lim dim
Đề ngồi lẩm bẫm
Những ngày oi bức
Những trưa tòi hầm

Ôi cây cho bóng
Bóng che người
Lỡ đường mưa nắng
Lỡ đường khi say
Giờ đây cây đã chẳng còn
Bóng kia cũng được mẫn phần cùng cây
Còn cái bóng tôi
Mai kia tôi đâu không còn
Bóng tôi ở lại gánh phần tội tôi.

(Trích Thơ Trịnh Cung Trên Đất Mỹ)

Nguyễn Đăng Thường
QUÁN CHIỀU

Qua quán nước xưa lá hoa về chiều
Đợi chờ vài em trong quán lưa thưa
Khi lúc tới nơi chun bước dô liền
Nhớ ơi là nhớ bóng người ngày ôm

Tui nhớ trước đây dáng em lùn lùn
Đội tiên nhìn tui đôi vú run run
Tui nhớ bước em khi tè bên đường
Má em màu hường tóc thì bụi vương

Nay tui địa thăm nơi ấy
Chạnh nhớ hôm kê đôi má ria
Chẳng biết bi giờ
Nâng bia quán duyên ghé địa đầu

Võ Công Liêm
NGÀY SINH CỦA ĐÁ

không ngày không tháng
giờ mưa tuối nắng
cha núi mẹ đèo
buồn vui thế kỷ
hứng chịu
tai ương
trên mỏm đồi lấm phong ba
đêm nghe bão cào tai tá
ngày chìm sâu dưới mưa tuôn
và . trợ gan cùng tuế nguyệt
đá hồn nhiên với núi sông
nằm ru biển gọi bao lần
giữa trời không một bóng ai
xin nhật những viên đá cuội
về hợp tấu khúc đoạn trường
để nghe tiếng vọng hồn thu thảo
thoát thai từ đó mình hóa đá
làm dê té độ một lần thôi
đòi đòi cho đá mừng sinh nhật
một chén phù du trót ngậm ngùi
trên răng dưới đế hồn xiêu vẹo

trăng có về chẳng thêm xót xa
giữa lòng đất lạnh cùng kinh kệ
để thấy đời trôi mong manh bay

lấy trăng bầu bạn
cho trọn kiếp người

mắt rằm từ dạo đó
bóng hình bàn tay em

xoa lên cơ thể mơn hơi đá
chết lịm bên đời bóng quạnh hiu.

Nguyễn Hoài Ân
MƯA THÁNG BẢY

Mưa đầu mùa
rưng rưng chiều tháng Bảy
chợt nghe lòng rong ruổi những băng khuâng
những giọt mưa trượt dài qua ô cửa
con phố dài
phố vắng lụa thưa.

Ta đợi gì ...
trong mưa mùa tháng Bảy?
cánh phượng hồng lấp ló phôi phai
thương ánh mắt
tương tư màu áo trắng
góc sân trường im ắng tiếng ve ngân.

Tháng Bảy chênh vênh
hè sắp cạn
trang ký ức phủ xanh
màu mực tím
biết ngày mai ai còn mong đợi?
ta ngồi buồn
đếm hạt mưa bay.

Ngày 04/07/2020

Phạm Quốc Bảo
ĐỢT NÓNG CUỐI HÈ

Cuối hè sao oi bức quá ...
Trời đất muốn hành chúng ta?
Hay chính vì người bạo ngược
vung tay hại khắp ta bà?

Nay mình phải chịu trả quả ...
Cũng may, vẫn còn bạn ta
tâm tư được nơi giải tỏa
mà âm ức vơi nhẹ ra ...

Kìa, ngoài hiên dưới nắng đỏ
hoa lá cứ tươi tắn mở
khuyến khích ta vượt gian khổ
cho cơn đại dịch này qua.

Thursday, Aug. 20, 2020

Thành Tôn
NIỀM RIÊNG

Ngắm ta dị tướng kỳ hình
Ngay thân thất lạc cong mình bơ vơ
Trăm năm xê dịch hàng giờ
Tình thân nhòa nhạt từng tờ lá bay

Ngoài tầm mắt thịt, vòng tay
Sáng ra phiến trán đã đầy dấu nhăn
Gương soi mặt nạ thường hằng
Ta trong ý kẻ đôi đàng loanh quanh

Máu nào trăm sợi phân ranh
Bóng chao tượng động hồn nhanh xác rù
Cuộc ta, một cõi biên khu
Thác thiêng ảo giác sống ngu đời đời

Khoanh ta chịu tiếng ngậm lời
Phạm thân linh thể đất trời hư không

THƠ TÂN HÌNH THỨC

Thơ Tân hình thức Việt kết hợp những yếu tố của thể luật và tự do, sáng tác với cả hai bán cầu não phải và trái. Cũng cần nhắc lại, thơ thể luật (vần điệu) sáng tác nghiêng về cảm xúc với bán cầu não phải, còn thơ tự do nghiêng về lý trí là loại thơ trí tuệ, với bán cầu não trái. Thơ Tân hình thức Việt phối hợp cả hai, giữa *cảm xúc* và *trí tuệ*, và nhịp điệu thơ là chiếc cầu nối. Trong não bộ, bán cầu não phải và trái được phân chia bởi mạng kết nối Corpus callosum. Người có Corpus callosum lớn có thể truyền tải dễ dàng dữ kiện giữa bên phải và trái não. Câu hỏi đặt ra, bán cầu não phải thuộc sáng tạo, còn bán cầu não trái thuộc phân tích, lý luận, nhưng tại sao tác phẩm sáng tạo lại đòi hỏi sự phối hợp của cả hai? Cái biết (ý tưởng mới hay ánh chớp lóe) đầu tiên thuộc bán cầu não phải, nhưng cái biết đầu tiên chỉ là cái biết từng phần, chưa đầy đủ và lập tức ghim thành thói quen nơi bán cầu não trái, cứ như thế cho đến khi cái biết (ý tưởng) đầy đủ trở thành kiến thức, nằm ở bán cầu não trái. Kiến thức phối hợp với các yếu tố khác tạo thành nội dung. Và nhịp điệu thơ, tương tự như mạng nối kết Corpus callosum trong não bộ, tùy thuộc cách làm thơ, phải đọc lên thành tiếng, hay đọc thầm trong đầu (đọc đi đọc lại nhiều lần), như vậy mới khơi dậy được cảm xúc và hòa nhập với nội dung, làm chuyển động quá trình sáng tạo. Đó là cách duy nhất để nhịp điệu có thể kết nối hai bán cầu não phải và trái với nhau trong sáng tác. Bởi vì nhịp điệu thơ thuộc bán cầu não phải. Mà bán cầu não phải cần thiết cho việc am hiểu cảm xúc trong ngôn ngữ nói, thể hiện qua giọng hát, âm độ và sự chuyển giọng. Trái lại với nhịp điệu thơ, nhịp điệu văn xuôi thuộc bán cầu não trái, chỉ cần viết trên giấy như khi viết văn xuôi.

Cho đến bây giờ, đa số thơ Tân hình thức Việt chưa đáp ứng hai tiêu chuẩn hay: *Ý tưởng* và *Nhịp điệu*. Nhưng ở thời hiện tại, con Virus Vũ Hán báo cho chúng ta thấy, mọi sự phải thay đổi, từ suy nghĩ tới hành động. Và như thế, lý thuyết thơ với tập tiểu luận “Vũ Điệu Không Vần”, ra mắt vào cuối năm 2019, tới lúc phải thực hành. Trong lúc *Báo Giấy* bắt đầu đăng mọi thể loại thơ từ vần điệu đến tự do, thơ Tân hình thức cần đáp ứng tiêu chuẩn để sánh bước với các thể loại khác. Ngay cả phê bình thơ cũng phải theo đúng qui định về cách dùng chữ, âm điệu, kiến thức về thơ ... Bài vở gửi trong số tới, chúng tôi sẽ chọn đúng theo tiêu chuẩn, và thơ sẽ được chuyển dịch ra tiếng Anh để gửi đăng trên weside Italy. Mong có những bài thơ Tân hình thức hay.

Đỗ Quyên

TÔI BÍ THƠ BÍ YÊU

những khi bí thơ tôi
đều câu cạnh tân hình
thức việt mỗi lúc bí
yêu tôi lại cần tới

tôi vô lường tùy tâm
trạng nơi em và thời
tiết đất trời tân hình
thức việt sinh hạ đầu

em tiêu chí thơ trong
tân hình thức việt bao
gồm ý tưởng cùng nhịp
điệu tiêu chuẩn yêu với

thế kỷ hai mốt còn
thơ việt già cả những
ngàn năm yêu có từ
thuở adam ăn trái

cắm tôi bí yêu sau
buổi gặp em những khi
bí thơ tôi tìm tân
hình thức viết với ý

tưởng từ em cùng với
nhịp điệu đất trời mỗi
lúc bí yêu tôi cần
em trong tâm trạng thi

ca và thời tiết tân hình
thức viết thế nhưng những
khi bí thơ đồng thời
bí cả yêu tôi không

thế nào biết phải làm
sao

27/10/2018

Hồ Đăng Thanh Ngọc
CHƠI BÀN TAY

Trên vỉa hè thằng bé chơi trò
chơi bàn tay nó đưa hai bàn
tay múp mụp ra đếm mười ngón
rồi ngón cái bàn tay phải chạm

tinh tế vào ngón út bàn tay
trái rồi ngón trở bàn tay trái
chạm vào ngón cái bàn tay phải
rồi ngón giữa bàn tay phải chạm

vào ngón đeo nhẫn bàn tay trái
rồi ngón giữa bàn tay trái chạm
ngón út bàn tay phải và cuối
cùng khi ngón cái bàn tay trái

định chạm ngón đeo nhẫn bàn tay
phải thì nó bỗng chán không chơi
nữa bàn tay nó thông xuống thông
thượt có lẽ đi chơi game thì

thích hơn chẳng nhưng nó đang đứng
ngoài đường và nó còn cố đưa
ngón tay lên ngang mày để xem
ánh sáng có lọt qua kẽ tay

hay không nó nghĩ gì thì làm
sao tôi biết được nhưng sao mà
tôi lại nghĩ là nó muốn đi
chơi game cơ chứ làm sao tôi

nghĩ vậy làm sao tôi nghĩ vậy
trong buổi sáng trời hiu hiu gió
thế này?

Hường Thanh
CÁI CHẾT TRÊN KHÁN ĐÀI

Làm sao tôi bảo vệ cho
bài thơ của bạn bởi tôi
cũng không muốn bảo vệ bài
thơ của chính mình đã viết

nên bài thơ cũng chẳng giống
bài thơ nào từng là bài
thơ hay làm sao tôi bảo
vệ được sự hay ho đó

một khi sự dở dang của
người đọc lại được bảo vệ
đến cùng có lẽ bạn không
muốn bảo vệ một bài thơ

dở chính bạn đã viết nên
bài thơ cũng chẳng giống bài
thơ nào khi nào bài thơ
muốn bảo vệ người đọc nghĩa

là bảo vệ bài thơ là
bài thơ không còn quan tâm
đến tôi nữa cho dù tôi
trở thành nhà phê bình ra

sức bảo vệ sự hay ho
nhưng tôi biết mình chỉ là

khoảng không không có tiêu chuẩn
nào để bảo vệ người đọc.

Khế Iêm
RÁC

Tôi đứng bên đây đường nhìn
qua bên kia những luồng xe
vùn vụt vùn vụt ngược và
xuôi đan xen như mắt cáo

trông loáng thoáng dãy phố những
sắc màu bóng người và tôi
là cọng rác không tâm trí
lây lắt trên lề đường cuốn

theo khói và bụi và còi
xe trong khoảnh khắc tôi là
vật thể giữa các vật thể
vật thể nào giống vật thể

nào vật thể nào khác vật
thể nào hỏi và đáp ai
với ai trong mệnh mông gợn
sóng những khuôn mặt khẩu trang

và luồng xe vùn vụt vùn
vụt ngùn ngụt ngùn ngụt cho
đến khi bầu trời chợt mưa
chợt nắng làm đậm đặc và

tách lia giữa tôi và rác
và khói và bụi và còi
xe hiện hình chỉ là những
cái tên nổi trôi mà tôi

không phải rác mà rác không
phải tôi đang đứng bên đây
đường nhìn qua bên kia.

* Bài thơ gợi tới một ý nghĩ, chúng ta thường nhìn
sự vật và con người theo thiên kiến. Vì vậy người
làm thơ không phát hiện những mới lạ của sự vật
chung quanh, và không mở ra được cánh cửa sáng
tạo.

Thạch Tố
BỐN GIỜ SÁNG

Chiếc xe đổ rác lại đến đổ
rác từ từ mờ sáng có hai
người đi bộ đã đi khi trời
còn nhá nhem và chiếc xe đổ

rác cứ thế vào bốn giờ sáng
chiếc xe đổ rác làm nhiệm vụ
câu cái dumpster tiếng sắt va
đập thiệt chói tai hai người đi

bộ như không có chuyện gì xảy
ra cứ đi về phía công viên
giờ thì bà Mỹ kể bên (không
biết tên) bắt đầu dậy đề máy

xe nổ rẹt rẹt đi làm hăng
bao ny lông cứ như không có
chuyện gì xảy ra từ từ bà
Mỹ kể bên như bao người khác

có ly cà phê mà cái hăng
bao ny lông này không có cà
phê người đàn bà hưởng thụ mùi
hương thơm cà phê robusta trước

khi nghe cái máy đập của hăng
bao ny lông ồn ào đình tai
nhức óc mà người đàn bà đã
thức dậy từ bốn giờ sáng đề

máy xe nổ rẹt rẹt đi làm
hăng bao ny lông bao nhiêu năm
nay đứng máy vô bao ôm vác
người đàn bà vẫn nhẫn nại trong

giấc mơ ly cà phê thơm mà
bà làm theo cách của bà theo
những tiếng động đình tai nhức óc
để trở về một ngày bình yên

con cái gia đình rồi lại bốn
giờ sáng đề máy xe nổ rẹt
rẹt rồi chiếc xe đổ rác lại
đến đổ rác rồi hai người đi

bộ đã đi như không có chuyện
gì xảy ra người đàn bà hoan
hỷ làm ra cái bao ny lông
một ngày trời còn tờ mờ sáng.

Phạm Quyên Chi

TÔI LÀ KẸ KHÔNG YẾU ĐUỐI

Tôi đã thức suốt đêm nghĩ
Về mình (đời mình) những khi
Ủ dột tự sát – tự sát rồi
Có dám đâu sợ mình (đời
Mình) chết trẻ nên cứ ngồi
Nhỏ mọn hơn thua sao họ
(Không mừng tượng nổi là ai)
Đến khi nằm xuống mắt nhắm
Đờ đẫn cũng không dám gọi
Là ngủ (linh tinh chuyện) đâu
Giả dụ là giấc mơ được
Nếu chỉ thức là đủ thì
Quá ư đơn giản có hôm
Nhớ chi tiết nghe tiếng chổi
Ai – ai sao cứ quét xẹt
Trong đêm khuya thanh tịnh ngược
Đời ai – ai có thể xác định
Rõ nhất những gì tôi nói
Ra và tin là đúng có
Thế có rất nhiều lần tôi
Ngồi hết đêm chỉ để giữ
Vững trái tim của người sáng
Tạo (y như canh bạc kẻ
Thua trận) nhưng có sao ở
Thời điểm đó họ (ngủ) tôi
Đón nhận chú trọng sự gần
Bó đầu đờn nhất với thời
Điểm họ (lực chọn) không lo
Lắng (nghĩa là không làm gì)
Như vậy sao được (tối nào)
Cũng nhìn thấy đáng cay tôi
Sao – tự cho mình đòi hỏi
Nghèo đói hướng tới như giới
Hạn của nó (ôm nó hay
Chạy trốn nó) đã thức suốt
Đêm rồi (về mặt này) đừng
Chế giễu dù sao cũng là
Cái nhịp đều đều để thở !

Xuân Thủy

ĂN THƠ

Tôi đọc mãi một bài thơ
một bài thơ tôi đọc mãi
mà không sao thuộc được cả
không hiểu vì sao tôi không

thể thuộc được một bài thơ
mà mỗi lần khát tôi chỉ
chực vục đầu vào bài thơ
là đọc đọc lấy đọc để

để thỏa cơn khát của mình
cơn khát được sống đúng nghĩa
một con người mà dường như
tôi không được làm một con

người vì bị tước đoạt đi
hay chính tôi đã hèn mọn
mà tước bỏ nó đi trước
hay sau đôi mắt buồn của

lòng tôi khao khát mãi khi
cứ phải sống sống mà không
được làm người thì làm sao
thuộc lòng một bài thơ hay

vục đầu vào đó thể thỏa
cơn khát của mình trước đã
cho đến khi cơn khát thèm
đã hết khát thèm tạm tạm

thì đôi mắt tôi mới nhìn
thấy được một bài thơ hay
nay đã nát bươm hết cả
trong hàm răng của mình tôi.

NGHỆ THUẬT VÀ CÁI ĐẸP

Allen Burns

(Tiếp theo và hết)

Robinson Jeffers cân nhắc tính bền bỉ của sáng tạo nghệ thuật trong “To the Stone-Cutters” (1924) và nhận ra rằng tính không bắt tử của thứ mà Ransom nghĩ đến, không chế mọi sáng tạo. Tính bất tử của nghệ thuật từ lâu là một khái niệm thông thường, thừa hưởng từ Horace và các nhà văn thời Phục Hưng. Tương phản với đời sống, nghệ thuật được thai nghén để tồn tại qua nhiều thời đại; ta có thể “bất tử hóa” một chủ đề (nhất là một chủ đề yêu thích) với một bức tranh hay một bài thơ, bằng cách đó, vượt qua số mệnh “mờ xỉn” của tất cả mọi thứ không bắt tử. Shakespeare cung cấp những thí dụ quan trọng nhất về ý tưởng này qua nhiều bài sonnets của ông, đáng kể là #18 (“Shall I compare thee to a summer’s day?” Tôi có nên so sánh em với một ngày hè?) và #65 (“Since brass, nor stone, nor earth, nor boundless sea” Bởi vì đồng, đá, trái đất hay biển cả vô tận). Jeffers, hiểu được vũ trụ phát triển bởi khoa học hiện đại – đây là, một vũ trụ chế ngự bởi entropy (định luật Vật lý) – đưa ra cái nhìn khác về khái niệm thông thường này. Ông khẳng định, các nghệ sĩ, đơn thuần đã biến thành “foredefeated / Challengers of oblivion.” (trước khi bị đánh bại / những kẻ thách thức của lãng quên). Thí dụ như những nhà điêu khắc, thường không đủ sức để đối phó với thách thức thời gian ngay cả trên cán cân lịch sử đã ghi nhận. Những sáng tạo của họ có thể còn nguyên qua nhiều thế hệ, nhưng rồi, trừ khi có những giữ gìn đặc biệt, chúng hư hỏng, đổ nát, và mòn rỉ đi. Không chỉ riêng có chúng trong khía cạnh này. Trên cán cân thời gian vũ trụ, ngay cả nhà thơ cũng lao động vô ích. Những bài thơ, không dựa trên những vật liệu dễ tiêu hao, có thể được truyền qua nhiều thời đại an toàn hơn tượng điêu khắc, kiến trúc, hay họa phẩm, nhưng ngay cả khi chúng dựa vào sự hiện hữu của nhân văn và văn hóa con người và ngôn ngữ, và không có thứ nào vừa kể, được miễn trừ khỏi cái tàn nhẫn của thời gian. Một ngày nào đó, như Jeffers đã vạch ra, mặt trời tự nó sẽ lụi tàn. Tất cả mọi thứ đều chết – ngay cả chính vũ trụ, như định luật entropy đã cho ta biết – cho nên sự huênh hoang của những người cho rằng đã “bất tử hóa” bất cứ gì qua nghệ thuật, sau rốt thì đều là trống rỗng. Tuy nhiên, Jeffers không chấm dứt bài thơ ở điểm bi quan này. Thay vào đó, ông đưa ra một thẩm định hiện thực và tương đối hơn về giá trị nghệ thuật. Nó không bất tử hóa bất cứ gì cả, nhưng nó đưa ra giải khuây, khai trí và vui thú qua nhiều thế hệ và ngay cả nhiều thời đại. Theo thời gian, giá trị của nó tương đối, nhưng vẫn có ý nghĩa cao trong điều kiện nhân văn.

Nếu tác phẩm nghệ thuật không bắt tử, chúng vẫn có tính bền vững rộng lớn hơn đời sống cá biệt – một đề xuất mà Marianne Moore thám hiểm trong bài thơ ngắn có vẻ bí ẩn “No Swan So Fine” (1932). Bài thơ bắt đầu với một câu vụn quan tâm đến những hồ phun nước ở điện Versailles (cung điện lộng lẫy nằm ngoài Paris của vua Louis XIV xây cất ở thế kỷ mười bảy), lựa từ bài viết của Percy Phillip trên New York Times Magazine. (Moore rất thích kết hợp những phát biểu “tìm thấy” như bài này trong thơ bà). Mảnh vụn tả những hồ phun nước là “đã chết”, giới thiệu tương phản chính của bài thơ giữa những vật thể bất động và động. Phần còn lại của đoạn đầu gồm có mảnh nguyên văn, mẫu dựa theo bài viết của Phillip, phát triển ý chính của bài thơ bằng cách tương phản con thiên nga bằng sứ china ở Versailles với con thiên nga sống. Moore nhận ra con thiên nga giả “thanh tao hơn” con sống, một phán đoán củng cố quan điểm rằng nghệ thuật, với sự hoàn hảo có lựa chọn và tính bền chắc của nó, trong vài cách nào đó, cao cấp hơn đời sống. Đoạn thơ thứ hai, gần như song song với đoạn đầu, gồm có hai câu. Câu thứ nhất, dài hơn nhiều câu tả con thiên nga bằng sứ, với chủ ý riêng biệt vào ngoại vi lèo lẻo giả tạo của nó. Câu cuối, ngắn gọn và thoát đầu có vẻ bối rối, giản dị như sau, “The king is dead” (Nhà vua đã chết). Mới đầu, đoạn kết này có vẻ như bất thân không đúng chỗ như trong bài thơ “Lying in a Hammock at William Duffy’s Farm in Pine Island, Minnesota” của James Wright (đã bình luận trong phần “Thoughts & Perception”); tuy nhiên trong một khoảnh khắc ngẫm nghĩ chắc chắn độc giả sẽ liên kết “cái chết” sau cùng với “những vòi phun nước công viên đã chết” ở câu thứ hai. Nhưng có một khác biệt quan trọng giữa ý nghĩa của hai tính từ: tính từ đầu tiên có nghĩa giản dị vẫn thế, trong khi tính từ thứ nhì có nghĩa là “đã tàn rụi”; như thế, Moore phát triển được sự tương phản giữa bất động và động bằng cách khéo léo gợi nên sự khác biệt có sẵn giữa hai thứ dường như khác nhau. “Chết” khác với “đã chết” giống như thiên nga giả khác với thiên nga sống. Nhà vua trong câu hỏi (Louis XIV) đã, bắt kẻ phù hoa và vương giả của ngài, đã tàn rụi, như con thiên nga không bắt tử và tất cả những gì không bắt tử rồi cũng sẽ phải chết. Nhà vua là chủ con thiên nga bằng sứ, nhưng trong khi ngài mất đi, nó vẫn còn nguyên, mang lại vui thú cho người người hàng thế kỷ sau. Người sống có đặc lợi làm chủ tác phẩm nghệ thuật và vui thích với chúng, nhưng chính tác phẩm nghệ thuật lại bền bỉ bất chấp cả hai thời gian và quyền làm chủ. Bài thơ của Moore chê trách sự giả vờ của các nhà vua và nhìn nhận tính cao cấp của nghệ thuật trên đời sống trong điều kiện tồn tại – nhưng, cùng lúc, nó cũng gợi ý rằng giá trị duy nhất mà tác phẩm có được, hóa ra là đến từ quan hệ của nó với người quan sát (còn) sống và biết thưởng thức.

Trong bài thơ “Juggler” (1950), Richard Wilbur thám hiểm một khía cạnh khác của nghệ thuật: cách mà nó biến dạng những thứ tầm thường. Người anh hùng tựa đặt của bài thơ như là chân dung đại biểu nghệ sĩ mà trách nhiệm của hắn là mang lại một thế giới chính xác mà Jefferson đã nhận diện từ những lực che đậy của phủ nhận. Đoạn mở đầu của bài thơ miêu tả cách nào mà trọng lực cướp đi quán tính của trái banh, hình ảnh của sự dần giảm thiểu mà bài thơ đối trọng với việc làm của người tung-húng. Ở đoạn thứ hai, Wilbur viết là người tung-húng lắc “trọng lực của chúng ta” lên, chơi chữ ở hai ý nghĩa của chữ “gravity” vừa là một lực vật lý vừa là vẻ trang nghiêm của khán giả. Người tung-húng biểu diễn tài của mình bằng cách giữ cho banh không rơi xuống, rồi lại tự tạo thêm những khó khăn mới khó hơn bằng cách đổi banh với ba đồ vật bình thường: cái bàn, cây chổi và cái đĩa. Tài của người tung-húng nằm ở chỗ linh hoạt và biến đổi hiện thực thành ra hoàn toàn hiển nhiên khi quay cái bàn với một ngón chân, giữ cây chổi thẳng bằng nơi mũi, và xoay tròn cái đĩa ở cuối cán chổi. Mặc dù ở cuối màn trình diễn, người tung-húng mệt mỏi và biết rằng những vật tầm thường ấy rồi sẽ trở lại chốn cũ của chúng, cái thắng lợi nghệ thuật đã đạt được. Khán giả vỗ tay nồng nhiệt, vì người tung-húng đã làm được một việc thật sự đáng chú ý: hắn đã vượt qua – nếu không muốn nói là trong khoảnh

khắc – “trọng lượng của thế giới”. Một cuộc ăn mừng (cũng như màn biểu diễn) tài nghệ thuật, bài thơ cho chúng ta thấy cách nào nghệ thuật biến đổi sự tầm thường và thêm vào thứ gì đó không hẳn cần thiết nhưng gộp chung lại thì đáng giá – kể cả cứu vãn như câu mười bốn đã gợi ý – đối với thế giới. Wilbur quay qua chú ý đến cái đẹp ngẫu nhiên và vô-ý-thức trong một bài thơ khác, “Piazza de Spagna, Early Morning” (1956). Lấy hứng từ ký ức lúc ông quan sát một cô gái duyên dáng bước xuống cầu thang cong dài ở Piazza de Spagna (một công trường ở Rome), bài thơ sắp xếp để chộp lấy thứ gì đó từ cái duyên dáng của cô gái cho chính mình. Đoạn thơ đầu tả cử động của cô khi chân quay tròn và nhảy múa xuống chỗ mà âm thanh dịu nhẹ của nước phun yên ắng công trường. Rồi đoạn thứ hai mang lại cái nhìn sát mặt cô, có nét cô đơn băng quơ. Cô không có vẻ thiếu nữ gì cả mà thay vào đó như là “ảo mộng” của chốn ấy, một hóa thân kỳ tài đầy những nét chính duyên dáng và cái đẹp phản chiếu và tinh cất của công trường. Rồi Wilbur tổng kết chuyển động của cô gái, gạch dưới nét duyên dáng của chuyển động bằng sự lặp lại âm thanh chữ “l” (thường được xem là âm vị đẹp nhất trong ngôn ngữ): đây là “Mời-gọi trôi tuột và cuốn xoay.” Đoạn thơ cuối phát triển một so sánh nối dài, so sánh chuyển động của cô gái với chuyển động của những vật thanh nhã, như chiếc lá, cánh hoa, hay dăm bào, bập bênh qua con thác. Sự so sánh đưa ra cùng một ý tưởng mà Emerson đã thám hiểm trong đoạn đầu của “Each and All”: rằng cái đẹp thường hiện hữu giản dị cho chính nó và không hề nhận thức đến nỗi vui thú nó có thể mang lại cho người nhìn. Giống như “The Juggler”, bài thơ trưng bày những nét của thứ nó miêu tả. Wilbur không chỉ tưởng nhớ cái duyên và cái đẹp; ông chứng minh bằng thí dụ một cách khéo léo.

Adrienne Rich, một nhà thơ thiên về chính trị hơn, khảo sát trong “Aunt Jennifer’s Tigers” (1951) cách sáng tác nghệ thuật có thể bù lại cho một đời sống bị chèn ép bởi hoàn cảnh. Đây tính nữ quyền trong lập trường của nó, bài thơ của Rich miêu tả việc vá may của Aunt Jennifer. Những con cạp mà bà tạo ra không sợ người có súng, vì đối với bạo lực (giống) đực thì chúng an toàn, nằm ngoài thời gian, như những hình vẽ trên cái bình Grecian của Keats. Ảnh hưởng đầy đủ nhất của bài thơ dựa vào cách chọn từ gợi ý và – rất giống với “Juggler” của Wilbur – chơi chữ khôn ngoan. Nhắc đến bọn ăn cướp trong đoạn đầu của bài thơ âm điệu với hình ảnh ban nhạc đám cưới quan trọng, trong chốc lát mang lại một ấn tượng chắc chắn về tính áp bức của giống đực, biểu lộ trong cả hai thứ, săn bắn và thể chế cưới hỏi. Cùng lúc, Rich ẩn dụ hóa “những con cạp” (tigers) ở câu đầu thành “những ngón tay” (fingers) ở câu thứ năm; cách viết song song này gợi sự chú ý đến tương tự âm ngữ của hai chữ và nhắc chúng ta rằng những ngón tay của Aunt Jennifer tạo ra những con cạp trên vải thêu. Ở đoạn thứ ba, Rich tráo hình ảnh ban nhạc đám cưới (wedding band còn có nghĩa nhẫn cưới, liên kết trực tiếp với ngón tay) khi bà miêu tả bàn tay chết của Aunt Jennifer, “Vẫn còn đeo những thử thách gay go mà bà thành thạo. Danh từ “nhẫn” (ring) giờ biến thành động từ “đeo” (ring): rõ ràng, hôn nhân là một gánh nặng dứt khoát cho sự hiện hữu của Aunt Jennifer. Nhưng nếu cuộc đời của bà là một thất bại, món thêu thừa của bà vẫn còn là một chiến thắng. Mặc dù bàn tay tạo nên những con cạp ấy có thể “kinh sợ”, (nhưng) tự những con cạp kiêu hãnh ấy vẫn nhảy dựng lên, “không kinh sợ” một cách siêu việt. Phần đề cuối cùng này khẳng định sức mạnh cứu vãn của nghệ thuật để nổi lên trên hoàn cảnh và xúi giục các thế hệ sau (nên) đối mặt với nguồn áp bức. Sau rốt thì những con cạp biến thành biểu tượng nữ quyền cho đạo đức và bất chấp chưa ai thắng nổi. Bài thơ của Rich mời chúng ta nghĩ đến đủ loại mục đích mà nghệ thuật có thể phụng sự được. Nó còn dự báo trước, cho cả hai phong trào nữ quyền và vai trò máu chót của Rich trong phong trào ấy.

“Beauty and Sadness” (1983) của Cathy Song mang mối quan tâm về nghệ thuật và cái đẹp trở lại từ đầu, vì nó hợp nhất những khái niệm chánh này lại với nhau. Bài thơ của bà lưu ý đến các tác phẩm của Kitagawa Utamaro (1753-1806), một nhà-in-khắc người Nhật chuyên về những chân dung gợi cảm của những phụ nữ đẹp. Bài thơ tả nhà nghệ sĩ, các người mẫu của ông, và tác phẩm của ông; nó còn suy ngẫm như thế nào mà nghệ thuật biến đổi các thứ tạm thời thành ra những thứ lâu dài. Song định rõ đặc tính của chính Utamaro như là một người nhanh nhẹn và lanh lợi, mà sự hiện diện của ông cũng mỏng manh như “giấy mỏng như da” của bản in của ông. Cái nhìn thoáng cuối cùng của ông ở cuối bài thơ (dòng 53-56) cho thấy người nghệ sĩ là mình – “lùn và mang kính” - trên thực tế ngược lại hoàn toàn với cái đẹp mà ông đang hiển cả đời mình để giữ lại. Mắt ông được tả là “không nguôi” (câu 42), gợi cho thấy rằng nỗi khát khao cho cái đẹp của ông không bao giờ thỏa mãn. Diễn dịch này dường như cho là sự sản xuất phong phú của Utamaro (ông vẽ hàng trăm người đàn bà, như câu đầu đã cho chúng ta biết) và đối với chữ “Sầu não” (Sadness) trong tựa bài (cũng dường như nhắc đến “u sầu” của người mẫu). Tự những người mẫu có đủ loại người – bồi bàn, tài tử, gái điếm, người hầu, và geishas (hay ca sĩ kiêm vũ nữ nhà nghề ở Nhật). Nói một cách khác, tất cả đều là chiêu đãi hay đầy tớ mà việc làm chánh của họ, trong đời sống cũng như trên bản in khắc, là phục vụ hay mang lại vui thú cho đàn ông. Song hoàn toàn tạo ra điếm này nhưng lựa chọn không dừng lại ở đây. Thay vào đó, bà chú ý vào cách mà Utamaro “thẩm thấu” những cuộc đời này vào trong tác phẩm của mình, rất giống như người nói với “To Helen” của Poe. Chúng ta thấy đàn bà chủ yếu y hệt như họ hiện ra trên bản in, biến dạng bởi nghệ thuật – đáng kể là trong mô tả tuyệt diệu chiếm hết đoạn thơ thứ hai. Trong đoạn thứ tư và phần kết của bài thơ, bản in được cho là giống như những con nhậy (moth) cánh mỏng-như-tro mà người Nhật tôn kính như là tổ tiên tái sinh. Cái đẹp của những người đàn bà thực, đã chết từ lâu, đã tái sinh trong những bản in lâu bền. Trở lại với đề mục mà Jeffers đã chất vấn, Song cho là Utamaro đã bắt tử hóa đàn bà. Trường hợp của nhiều bài thơ mười bốn câu của Shakespeare, bài thơ của Song suy ngẫm về khả năng siêu việt của nghệ thuật nắm lấy cái đẹp của những thứ tạm thời.

Điểm Thọ dịch